

Số: 347/QĐ-CTCP397

Mạo Khê, ngày 06 tháng 02 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

**Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng thiết bị phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2026 (GT10) thuộc kế hoạch Mua vật tư, phụ tùng thiết bị phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2026**

### GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Căn cứ Quyết định số 5926/QĐ-BQP ngày 29/12/2017 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV 397 thành Công ty cổ phần;

Căn cứ Quy định số 1313/QyĐ-CTCP397 ngày 01/7/2024 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 về việc lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần 397;

Căn cứ Quyết định số 2229/QĐ-CTCP397 ngày 01/11/2024 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định số 1313/QyĐ-CTCP397 ngày 01/7/2024;

Căn cứ Quyết định số 111/QĐ-CTCP397 ngày 13/01/2026 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 “Về việc phê duyệt kế hoạch Mua vật tư, phụ tùng thiết bị phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2026”;

Căn cứ Quyết định số 144/QĐ-CTCP397 ngày 16/01/2026 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 “Về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng thiết bị phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2026 (GT10) thuộc kế hoạch Mua vật tư, phụ tùng thiết bị phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2026”;

Căn cứ Quyết định số 181/QĐ-CTCP397 ngày 21/01/2026 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 “Về việc phê duyệt HSMT Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng thiết bị phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2026 (GT10) thuộc kế hoạch Mua vật tư, phụ tùng thiết bị phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2026”;

Căn cứ Thông báo số 191/TB-CTCP397 ngày 21/01/2026 của Công ty cổ phần 397 “Về việc mời thầu Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng thiết bị phục vụ sửa

*chữa thường xuyên năm 2026 (GT10) thuộc kế hoạch Mua vật tư, phụ tùng thiết bị phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2026”;*

*Căn cứ Tờ trình ngày 05/02/2026 của Tổ chuyên gia về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng thiết bị phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2026 (GT10) thuộc kế hoạch Mua vật tư, phụ tùng thiết bị phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2026;*

*Căn cứ Báo cáo thẩm định ngày 05/02/2026 của Tổ thẩm định về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng thiết bị phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2026 (GT10) thuộc kế hoạch Mua vật tư, phụ tùng thiết bị phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2026.*

*Theo đề nghị của Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng thiết bị phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2026 (GT10) thuộc kế hoạch Mua vật tư, phụ tùng thiết bị phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2026, với những nội dung sau:

- Tên gói thầu: Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng thiết bị phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2026 (GT10).

- Tên nhà thầu trúng thầu: **Liên danh GT10 VY-TC.**

- Địa chỉ: Tổ 4 - Khu 8 - Phường Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh.

- Giá trị trúng thầu: **8.952.190.796 đồng.**

*Bằng chữ: Tám tỷ, chín trăm năm mươi hai triệu, một trăm chín mươi nghìn, bảy trăm chín mươi sáu đồng (đã bao gồm thuế VAT).*

Giá trị trên đã bao gồm thuế VAT và các thuế, phí khác theo quy định.

- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty cổ phần 397.

- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 323 ngày

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 323 ngày.

- Địa điểm thực hiện gói thầu: Kho vật tư, Công ty cổ phần 397 - khu Nam Tràng Bạch, phường Hoàng Quế, tỉnh Quảng Ninh.

**Điều 2.** Giao cho Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định đấu thầu: Tổ chức đăng tải thông tin và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu đảm bảo đúng quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Tổ trưởng Tổ chuyên gia, Tổ trưởng Tổ thẩm định và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch HĐQT (b/c);
- PGD Huyền (c/đ);
- Như điều 3 (t/h);
- Lưu: VT, CĐVT. C04.



**Kiều Văn Sính**

**PHÊ DUYỆT KQLCNT GÓI THẦU: MUA VÁP TỰ PHỤ TÙNG THIẾT BỊ PHỤC VỤ SỬA CHỮA THƯỜNG  
XUYỀN NĂM 2026 (GT10)**

(Kèm theo Quyết định số 347/QĐ-CTCP397 ngày 25/02/2026 của Công ty cổ phần 397)

STT	Danh mục hàng hóa	Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Bảo hành
1	Ắc giá chữ A Φ55x240	Việt Nam	Cái	6	800.000	4.800.000	02 tháng
2	Ắc Φ70x185	Việt Nam	Cái	50	900.000	45.000.000	02 tháng
3	Ắc giảm sóc trước Φ60x160 569-40-81540	Việt Nam	Cái	10	800.000	8.000.000	02 tháng
4	Ắc Piston lái Φ45 569-40-81530	Việt Nam	Cái	20	700.000	14.000.000	02 tháng
5	Ắc giăng lái Φ40 569-40-81240	Việt Nam	Cái	20	650.000	13.000.000	02 tháng
6	Bạc+ắc nhíp Kamaz 65115-2902478	Việt Nam	Bộ	10	220.000	2.200.000	01 tháng
7	Bạc ắc giăng cầu Φ70 569-40-61160	Việt Nam	Cái	45	380.000	17.100.000	01 tháng
8	Bạc phíp giảm sóc trước 566-50-11173/K566-50-11173	G20	Cái	10	17.900.000	179.000.000	03 tháng
9	Bạc thép giảm sóc trước 569-50-6A181/K569-50-6A181	Ý	Cái	8	12.000.000	96.000.000	03 tháng
10	Bạc thép giảm sóc trước 569-50-6A181/32F-1021	Trung Quốc	Cái	4	10.500.000	42.000.000	03 tháng
11	Bàn ép côn 16102083118	Trung Quốc	Cái	4	9.000.000	36.000.000	06 tháng
12	Bầu phanh lốc kê 100.35192/35300618610	Trung Quốc	Cái	15	1.450.000	21.750.000	06 tháng
13	Bầu phanh trước 100.351931/35190906070	Trung Quốc	Cái	10	1.700.000	17.000.000	06 tháng
14	Bì chữ thập các đăng Φ52x133 53205-2201026-10	G20	Vòng	10	810.000	8.100.000	03 tháng
15	Bì chữ thập các đăng Φ57x144	G20	Vòng	10	840.000	8.400.000	03 tháng
16	Bì chữ thập các đăng Φ57x152 587.42	G20	Vòng	8	850.000	6.800.000	03 tháng
17	Bơm lái 4310-3407200-01	G20	Cái	4	7.900.000	31.600.000	06 tháng
18	Bơm tay nhiên liệu 323.1106010	G20	Cái	8	1.350.000	10.800.000	03 tháng
19	Cần phíp giảm sóc trước 566-50-11290/K566-50-11290/04F-8188	G20	Cái	6	3.500.000	21.000.000	02 tháng
20	Cao su giăng cầu 6520-2919026	G20	Quả	30	750.000	22.500.000	02 tháng
21	Chụp chắn bụi giăng lái 569-40-61660	G20	Cái	100	350.000	35.000.000	02 tháng
22	Cụm khớp lai bơm ben 6090012022	G20	Cụm	6	10.500.000	63.000.000	04 tháng
23	Cụm phom xả khí 45104351100790/14K-26618	G20	Cụm	5	1.500.000	7.500.000	03 tháng
24	Cuồng van dài 569-30-72130/569-30-71610/14A-33382	G20	Cái	15	1.150.000	17.250.000	03 tháng
25	Cuồng van ngắn 569-30-71600/H-45	G20	Cái	12	950.000	11.400.000	03 tháng
26	Đề khởi động 5402.3708000-01	G20	Cái	2	12.890.000	25.780.000	06 tháng
27	Đèn pha 342.3711/75365669-2007	G20	Cái	6	1.200.000	7.200.000	01 tháng
28	Giảm sóc ghế lái 421-57-31730/AS198243/388616	Đức	Cái	8	9.500.000	76.000.000	03 tháng
29	Giảm sóc nhíp trước 45104290550500/50.2.2905006/	G20	Cái	6	1.680.000	10.080.000	03 tháng
30	Giàn lạnh 8236675	G20	Bộ	8	2.500.000	20.000.000	04 tháng
31	Gioăng bột lái 561-40-00200/14K-20228	G20	Bộ	8	930.000	7.440.000	Theo TCNSX

STT	Danh mục hàng hóa	Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Bảo hành
32	Gioăng moay σ sau Φ4x175/100-3519289	G20	Cái	20	50.000	1.000.000	Theo TCNSX
33	Gioăng moay σ sau Φ6x250/45104310400100	G20	Cái	20	180.000	3.600.000	Theo TCNSX
34	Gioăng phốt xi lanh lái 707-98-26901/K707-98-26901	G20	Bộ	5	3.000.000	15.000.000	Theo TCNSX
35	Guốc phanh 6520-3501095/14A-70747	G20	Cái	5	3.800.000	19.000.000	06 tháng
36	La răng 1100-20	Việt Nam	Bộ	3	2.300.000	6.900.000	06 tháng
37	Măng xéc đơn giảm sóc trước 566-50-6A410/K566-50-6A410	G20	Cái	10	2.200.000	22.000.000	Theo TCNSX
38	Măng xéc đơn giảm sóc trước 566-50-6A410/K566-50-6A410	Đài Loan	Cái	10	2.100.000	21.000.000	Theo TCNSX
39	Măng xéc kép giảm sóc trước 707-51-16650/K707-51-16650	G20	Cái	10	2.200.000	22.000.000	Theo TCNSX
40	Măng xéc kép giảm sóc trước 707-51-16650/K707-51-16650	Đài Loan	Cái	10	2.100.000	21.000.000	Theo TCNSX
41	Máy ép hơi 53205-3509015-02/53205-	Trung Quốc	Cụm	2	7.000.000	14.000.000	06 tháng
42	Máy phát điện 3142.3771010-10/31423771-20	G20	Cái	4	7.700.000	30.800.000	06 tháng
43	Phốt bốt lái 561-40-00100/14K-64829	G20	Bộ	8	3.000.000	24.000.000	Theo TCNSX
44	Phốt đầu bơm cao áp 30x42x7 (2410283010)	G20	Cái	10	58.000	580.000	Theo TCNSX
45	Phốt đuôi bơm cao áp 45x60x8 (14.1701238)	G20	Cái	15	89.000	1.335.000	Theo TCNSX
46	Phốt moay σ sau 154x175x13	G20	Cái	30	220.000	6.600.000	Theo TCNSX
47	Phốt moay σ sau 65115-3104017	G20	Cái	40	150.000	6.000.000	Theo TCNSX
48	Phốt moay σ trước 105x138	G20	Cái	30	110.000	3.300.000	Theo TCNSX
49	Rơ le nhiệt Kamaz	G20	Cái	5	540.000	2.700.000	02 tháng
50	Tấm búa phanh sau DFHB15T/20G-1385	Trung Quốc	Cái	4	3.500.000	14.000.000	06 tháng
51	Tanh la răng 1100/1200-20 6520-3101027	G20	Cái	30	780.000	23.400.000	06 tháng
52	Tay giăng cầu hạ HD465 569-52-81110	Việt Nam	Cái	6	12.135.000	72.810.000	04 tháng
53	Tay giăng cầu thượng HD465 569-52-81121	Việt Nam	Cái	6	9.000.000	54.000.000	04 tháng
54	Tổng côn dưới 16080800090/9700514230	G20	Cái	5	2.200.000	11.000.000	03 tháng
55	Tổng côn trên 5320-1602510-10/16042810010	G20	Cái	5	2.500.000	12.500.000	04 tháng
56	Trục lai bơm ben 1316303036	G20	Cái	5	3.800.000	19.000.000	04 tháng
57	Trục lai các đăng sau 6520-2502201	Trung Quốc	Cái	5	6.000.000	30.000.000	01 tháng
58	Trục láp dài 6520-2403069	G20	Cái	5	8.500.000	42.500.000	04 tháng
59	Van chia hơi 973011010/RL3518AH	G20	Cái	6	3.700.000	22.200.000	03 tháng
60	Van điện từ 09070617/KEM-10/37540820030	G20	Cái	8	850.000	6.800.000	03 tháng
61	Van hộp số 303.11.0014/6038202043	G20	Cái	3	4.800.000	14.400.000	03 tháng
62	Van nạp giảm sóc 566-50-11301/14K-0264	G20	Cái	10	1.450.000	14.500.000	03 tháng
63	Van tiết lưu máy lạnh VHE-15QTEX-11	G20	Cái	10	698.500	6.985.000	03 tháng
64	Van tiết lưu máy lạnh 447500-9220	G20	Cái	10	1.200.000	12.000.000	03 tháng
65	Vì lét phanh Hyundai HD260 41910824/70050010980	G20	Cái	4	1.100.000	4.400.000	03 tháng

STT	Danh mục hàng hóa	Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Bảo hành
66	Vi nét phanh trước 45104350225890/970011031207	G20	Cái	10	1.550.000	15.500.000	03 tháng
67	Vi nét phanh trước 45104350225990/971011031207	G20	Cái	10	1.550.000	15.500.000	03 tháng
68	Vi nét phanh sau 45104350126090/70050010960/	G20	Cái	10	1.550.000	15.500.000	03 tháng
69	Vi nét phanh sau 45104350126190/70050010970/	G20	Cái	10	1.550.000	15.500.000	03 tháng
70	Vòng bi 6009-2Z/C3	G20	Vòng	10	450.000	4.500.000	03 tháng
71	Vòng bi đuôi trục cơ 6205-2Z/C3	G20	Vòng	8	420.000	3.360.000	03 tháng
72	Vành răng bánh đà 7406-1005125	Trung Quốc	Cái	3	4.000.000	12.000.000	03 tháng
73	Van nạp khí bình tích năng 721-89-12011/14K-15266	G20	Cái	15	1.360.000	20.400.000	03 tháng
74	Ông xá 54115-1203012-02/14A-79783	Trung Quốc	Cái	6	1.800.000	10.800.000	02 tháng
75	Lọc tách nước PL-420/RL6141PL01	G20	Cái	5	256.000	1.280.000	Theo TCNSX
76	Lọc phom xá UT1374/4324102227/RL3511K	G20	Cái	5	620.000	3.100.000	Theo TCNSX
77	La răng 1200-20 6520-3101015	G20	Bộ	8	2.600.000	20.800.000	06 tháng
78	Lá côn 1600102013	Trung Quốc	Cái	6	3.300.000	19.800.000	03 tháng
79	Piston bát hơi cài hộp số 1315 334 034	G20	Cái	5	1.200.000	6.000.000	03 tháng
80	Cần phíp bát hơi cài hộp số 750 112 066	G20	Cái	5	250.000	1.250.000	03 tháng
81	Phốt bát hơi cài hộp số 734 307 294	G20	Cái	5	350.000	1.750.000	03 tháng
82	Ốp chân hộp số 6460-1001124-10	G20	Cái	6	2.400.000	14.400.000	03 tháng
83	Ốp chân hộp số 6460-1001125-10	G20	Cái	6	2.400.000	14.400.000	03 tháng
84	Đồng hồ báo áp suất dầu động cơ 1911.383001	G20	Cái	4	500.000	2.000.000	02 tháng
85	Đệm ty giảm sóc trước 569-50-61413/K569-50-61413/14K-	Ý	Cái	6	9.500.000	57.000.000	02 tháng
86	Đệm ty giảm sóc trước K569-50-61413/14K-19124	G20	Cái	6	9.200.000	55.200.000	02 tháng
87	Dàn nóng HBS-PZ3005	G20	Cái	5	2.850.000	14.250.000	03 tháng
88	Dàn lạnh HBS-P06403	G20	Cái	5	2.600.000	13.000.000	03 tháng
89	Cây các đấng sau 6520-2201011-10	Trung Quốc	Cái	8	11.500.000	92.000.000	04 tháng
90	Cao su mỡ nhíp trước 6520-2902430	G20	Cái	15	450.000	6.750.000	01 tháng
91	Cao su giằng cầu DONGFENG	G20	Quả	10	550.000	5.500.000	01 tháng
92	Cao su giảm sóc nhíp trước 53212-2905486	G20	Cái	15	40.500	607.500	Theo TCNSX
93	Cao su giảm chấn 35x18x45	G20	Cái	50	80.000	4.000.000	Theo TCNSX
94	Cao su chân máy sau 5320-1001051	G20	Cái	10	650.000	6.500.000	01 tháng
95	Cao su chân máy trước 53205-1001020	G20	Cái	10	500.000	5.000.000	01 tháng
96	Bi tê côn 1602104001	G20	Cái	8	3.500.000	28.000.000	03 tháng
97	Bạc piston lái Φ45	Việt Nam	Cái	10	300.000	3.000.000	01 tháng
98	Bạc giằng lái Φ40	Việt Nam	Cái	10	250.000	2.500.000	01 tháng
99	Bơm nước 740.50-1307010/PY01660	G20	Cái	5	4.200.000	21.000.000	04 tháng

STT	Danh mục hàng hóa	Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Bảo hành
100	Cụm van chia hơi tổng 475.720.008.0/4757200080	G20	Cụm	3	9.500.000	28.500.000	03 tháng
101	Giảm sóc nhíp sau 55300-5A200/14A-51188	G20	Cái	6	2.200.000	13.200.000	01 tháng
102	Dàn nóng HBS-L0929	G20	Cái	10	1.600.000	16.000.000	03 tháng
103	Bi chữ thập các đăng Kawasaki 90ZIV-2 42060-70450	G20	Cụm	2	2.800.000	5.600.000	02 tháng
104	Vòng bi hốc a cơ 0750 117 677	G20	Vòng	4	4.400.000	17.600.000	02 tháng
105	Trục a cơ 1315202 037/1315302162/1315202040	G20	Cái	3	14.500.000	43.500.000	03 tháng
106	Chổi gạt mưa 13.52050-900	G20	Cái	20	120.000	2.400.000	01 tháng
107	Cần gạt mưa 271.5205-800	G20	Cái	10	180.000	1.800.000	01 tháng
108	Cần vi sai cài cầu 6520-2506058/14A-53998	G20	Cái	10	50.000	500.000	01 tháng
109	Bộ vỏ ốp vi sai cài cầu 6520-2506016/6520-2506010	G20	Bộ	3	9.800.000	29.400.000	03 tháng
110	Chốt đi số 1324 207 005/14A-23178	G20	Cái	5	3.500.000	17.500.000	06 tháng
111	Ống cao su kết mát 6520-1303010-01	G20	Cái	5	500.000	2.500.000	Theo TCNSX
112	Ống cao su kết mát 6520-1303026-01	G20	Cái	5	500.000	2.500.000	Theo TCNSX
113	Ống cao su 53205-1170245	G20	Cái	5	600.000	3.000.000	Theo TCNSX
114	Cánh quạt động cơ 740.51-1308012/020002748	G20	Cái	3	3.500.000	10.500.000	02 tháng
115	Nắp chụp dàn cò 7406.1003264	G20	Cái	5	1.200.000	6.000.000	03 tháng
116	Cần bi tỷ trục đứng 6520-3001022	G20	Cái	20	350.000	7.000.000	01 tháng
117	Đĩa phanh 569-27-71310	Việt Nam	Cái	2	9.500.000	19.000.000	03 tháng
118	Đèn xi nhan trước UP1-3712	G20	Cái	20	550.000	11.000.000	01 tháng
119	Đèn xi nhan sườn 53215-3726001	G20	Cái	20	300.000	6.000.000	01 tháng
120	Đèn hậu Led	G20	Cái	20	450.000	9.000.000	01 tháng
121	Đèn lùi inox 24V	G20	Cái	30	115.000	3.450.000	01 tháng
122	Tấm búa phanh 6520-3501070	G20	Cái	4	3.500.000	14.000.000	06 tháng
123	Ống gió tăng áp 6212-11-4420/K6212-11-4420	Ý	Cái	2	7.000.000	14.000.000	03 tháng
124	Pin điện tử đi số DH300-5 38553-61040	G20	Cái	2	2.500.000	5.000.000	01 tháng
125	Đồng hồ báo nhiệt độ dầu máy SD-1750-40	G20	Cái	6	800.000	4.800.000	01 tháng
126	Tăng áp động cơ 7406-1118010/74031118010/1274988	G20	Cụm	5	9.300.000	46.500.000	06 tháng
127	Trục quả đảo 58375-7C450/58475-7C450	G20	Cái	5	2.800.000	14.000.000	03 tháng
128	Dàn lạnh CZ08812	G20	Cái	5	2.500.000	12.500.000	03 tháng
129	Van tiết lưu 38352	G20	Cái	10	698.500	6.985.000	03 tháng
130	Cao su giằng cầu Φ70	Việt Nam	Quả	12	700.000	8.400.000	03 tháng
131	Bi treo các đăng 49730-75700/6020	G20	Cái	5	1.800.000	9.000.000	03 tháng
132	Van nạp giảm sóc 440-2667	G20	Cái	3	2.800.000	8.400.000	03 tháng
133	Cụm kéo phanh tay 100-3537010;RL3526PA	G20	Cái	5	2.500.000	12.500.000	03 tháng

STT	Danh mục hàng hóa	Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Bảo hành
134	Van tiết lưu điều hòa 1534QEX	G20	Cái	8	650.000	5.200.000	01 tháng
135	Van áp lực điều hòa HFC-134a	G20	Cái	8	350.000	2.800.000	01 tháng
136	Phin lọc ga điều hòa CD-6007	G20	Cái	10	450.000	4.500.000	01 tháng
137	Trục cơ 740.50-1005020/052561000	Tây Ban Nha	Cái	2	55.000.000	110.000.000	06 tháng
138	Phốt nắp piston nâng hạ ben 289-2937/2892937	G20	Cái	6	800.000	4.800.000	Theo TCNSX
139	Phốt nắp piston nâng hạ ben 289-2948/2892948	G20	Cái	6	800.000	4.800.000	Theo TCNSX
140	Gioăng chắn dầu nắp piston nâng hạ ben 12H-3934	G20	Cái	10	150.000	1.500.000	Theo TCNSX
141	Phốt piston nâng hạ ben 8C-9160	G20	Cái	8	1.200.000	9.600.000	Theo TCNSX
142	Phốt chắn bụi 225-3281/2253281	G20	Cái	10	500.000	5.000.000	Theo TCNSX
143	Ông cao su cô hút gió 53205-1109375	G20	Cái	5	750.000	3.750.000	Theo TCNSX
144	Phốt đuôi trục cơ 135x150x12/6L375	G20	Cái	8	400.000	3.200.000	Theo TCNSX
145	Rô tuyn ba ngang 8-97107349-QJ	G20	Cái	10	900.000	9.000.000	03 tháng
146	Giảm sóc cabin 5320-5001076-10/5320-5001076	G20	Cái	6	750.000	4.500.000	03 tháng
147	Khớp lai bơm ben 6090306021	G20	Cái	5	3.600.000	18.000.000	06 tháng
148	Bi chao 7J-3297/7J3297	G20	Cái	6	4.000.000	24.000.000	06 tháng
149	Bi chao 7J3297	G20	Cái	6	3.700.000	22.200.000	06 tháng
150	Cụm cầu cân bằng 6520-2918050	Trung Quốc	Cụm	2	68.000.000	136.000.000	03 tháng
151	Bi chao GE100ES-2RS	G20	Vòng	4	4.500.000	18.000.000	03 tháng
152	Tổng phanh chân 8099-3514108-10/IG-7033	G20	Cái	4	6.500.000	26.000.000	02 tháng
153	Ty ô đường dầu hồi nhiên liệu 7405-1104346-90	G20	Cái	6	550.000	3.300.000	02 tháng
154	Phốt đuôi trục cơ 7406.1005160	G20	Cái	6	450.000	2.700.000	02 tháng
155	Dây cu roa 8PK2739	Việt Nam	Sợi	12	850.000	10.200.000	01 tháng
156	Bạc trục đứng 6520-3001016	Việt Nam	Cái	8	250.000	2.000.000	02 tháng
157	Bơm tay ( thùng dầu nhiên liệu) 37.1141010/14A-07167	G20	Cái	5	1.350.000	6.750.000	02 tháng
158	Kết nước 6520-1301010-01/13010010440	Trung Quốc	Cái	2	21.500.000	43.000.000	03 tháng
159	Bích các đăng cầu sau 6520-2201023-10/14A-54837	G20	Cái	3	4.200.000	12.600.000	03 tháng
160	Bánh răng giảm tốc moay ơ sau 6520-2405035/14A-13118	G20	Cái	4	3.500.000	14.000.000	03 tháng
161	Bạc đầu nhỏ tay biên 740.1004052/14A-88950	G20	Cái	8	585.000	4.680.000	01 tháng
162	Bạc trục cút lai cam 740.1006026-02/14A-51904	G20	Cái	4	360.000	1.440.000	03 tháng
163	Bánh răng lai trục cam 740.1006214	G20	Cái	2	2.730.000	5.460.000	03 tháng
164	Ông dẫn hướng 740.1007032/14A-44535	G20	Cái	5	195.000	975.000	03 tháng
165	Kết sinh hàn 740.20-1013200-10/740.60-1013200	G20	Cái	2	11.050.000	22.100.000	03 tháng
166	Bạc cam 740.21-1006037/14A-59632	G20	Cái	16	884.000	14.144.000	03 tháng
167	Đũa đẩy 740.21-1007176/14A-89104	G20	Cái	8	845.000	6.760.000	03 tháng

STT	Danh mục hàng hóa	Xuất xứ	DVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Bảo hành
168	Khớp lai bơm cao áp 740.51-1111054-01/14A-00527	G20	Cái	5	1.800.000	9.000.000	03 tháng
169	Vòi rồng 7405.1004065/7405.1004066/14	G20	Cái	5	494.000	2.470.000	03 tháng
170	Bạc baliê P1 7405-1000102-P1/14A-55633	G20	Bộ/ xe	2	2.200.000	4.400.000	06 tháng
171	Bạc biên P1 7405-1000104-P1/14A-72992	G20	Bộ/ xe	2	2.150.000	4.300.000	06 tháng
172	Xu páp hút 7406.1007010/14A-58478	G20	Cái	16	455.000	7.280.000	03 tháng
173	Xu páp xả 7406.1007015/14A-24005	G20	Cái	16	455.000	7.280.000	03 tháng
174	Cò mô 7406.1007140/14A-20294	G20	Cái	16	450.000	7.200.000	03 tháng
175	Bánh răng lồng bộ côn số 6 8P-0523	Ý	Cái	1	29.340.000	29.340.000	06 tháng
176	Bánh răng máy ép hơi 7N-9322	G20	Cái	2	6.732.000	13.464.000	06 tháng
177	Bộ gioăng chia dầu phanh sau 9V-3225/9V3225	G20	Bộ	3	1.500.000	4.500.000	Theo TCNSX
178	Ca gioăng lắp bích đuôi trục cơ 4N-0848/M-4N848/4N0848	G20	Cái	4	1.200.000	4.800.000	03 tháng
179	Ca gioăng lắp bích đuôi trục cơ 4N-0848/M-4N848/4N0848	G20	Cái	4	1.200.000	4.800.000	03 tháng
180	Cảm biến nhiệt độ biển mô 118-7226/1187226	G20	Cái	4	4.000.000	16.000.000	03 tháng
181	Cảm biến nhiệt độ khí nạp động cơ 107-8618	G20	Cái	2	5.500.000	11.000.000	03 tháng
182	Cảm biến nhiệt độ nhiên nước làm mát 102-2240	G20	Cái	2	5.100.000	10.200.000	03 tháng
183	Cảm biến tốc độ bánh đà 189-5746	G20	Cái	2	4.500.000	9.000.000	03 tháng
184	Căn 8E-8304/8E8304	G20	Cái	5	259.000	1.295.000	02 tháng
185	Căn 8E-8308/8E8308	G20	Cái	5	296.000	1.480.000	02 tháng
186	Căn vi sai 3D-8513/3D8513	G20	Cái	3	8.123.000	24.369.000	03 tháng
187	Đĩa giảm chấn bầu phanh sau 7D-3013/FM2045/7D3013	G20	Cái	2	9.600.000	19.200.000	03 tháng
188	Đĩa ma sát bầu phanh 9W7017/FM4863	G20	Cái	2	6.517.000	13.034.000	03 tháng
189	Gioăng ca xoa moay ơ sau 297-9545/2979545	G20	Cái	4	1.800.000	7.200.000	Theo TCNSX
190	Gioăng ca xoa moay ơ sau 314-4118/3144118	G20	Cái	4	1.200.000	4.800.000	Theo TCNSX
191	Gioăng ca xoa moay ơ sau 365-4922/3654922	G20	Bộ	4	37.200.000	148.800.000	03 tháng
192	Gioăng cao su 100-4083	G20	Bộ	10	180.000	1.800.000	Theo TCNSX
193	Gioăng cao su 3D-2824/3D2824	G20	Cái	10	47.000	470.000	Theo TCNSX
194	Gioăng chắn dầu 2M-9780/2M9780	Ý	Cái	10	37.000	370.000	Theo TCNSX
195	Gioăng vành pông 5D-7523/5D7523	G20	Cái	6	518.000	3.108.000	Theo TCNSX
196	Gioăng làm kín 8F-8733	G20	Cái	6	155.000	930.000	Theo TCNSX
197	Kết làm mát dầu ben, phanh 1414109	Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	1	82.927.000	82.927.000	03 tháng
198	Kết mát dầu động cơ 7C0145	Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	1	34.146.000	34.146.000	03 tháng
199	Kết mát đồng sinh hàn động cơ 4W-5056/4W5056	Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	1	37.561.000	37.561.000	03 tháng
200	Lá đồng bộ côn số 1+5+6 1P-4110/FM1631	Vương Quốc Anh	Cái	4	5.500.000	22.000.000	03 tháng
201	Lá đồng bộ côn số 7 1S-3736/FM2831	Vương Quốc Anh	Cái	4	6.500.000	26.000.000	03 tháng

STT	Danh mục hàng hóa	Xuất xứ	DVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Bảo hành
202	Ô đờ bu ly cách quạt 2P-1757	G20	Cái	2	3.500.000	7.000.000	03 tháng
203	Trục bánh răng hành tinh 1 tầng số 5 7S-8631/7S8631	Ý	Cái	2	2.300.000	4.600.000	03 tháng
204	Trục bánh răng hành tinh số (2+3) 2S-4900/2S4900	Ý	Cái	2	2.144.000	4.288.000	03 tháng
205	Trục cơ 6245-31-1100/057479005	Tây Ban Nha	Cái	1	380.000.000	380.000.000	06 tháng
206	Ca xoa trước 9G5319	Malaysia	Bộ	6	13.000.000	78.000.000	03 tháng
207	Van hạn chế ben 13101-8603010	G20	Cái	2	4.500.000	9.000.000	03 tháng
208	Ăc trung tâm càng A CAT 773E 339-1123	Việt Nam	Cái	4	2.100.000	8.400.000	03 tháng
209	Van chia hơi bầu phanh ( 4 ngã) 64221-	G20	Cái	4	1.500.000	6.000.000	02 tháng
210	Đĩa thép rọ số 2 3P-8160/FM2772MP	Vương Quốc Anh	Cái	2	2.200.000	4.400.000	03 tháng
211	Vành chậu 277-7213/2777213	Ý	Cái	1	115.000.000	115.000.000	06 tháng
212	Vỏ hộp vi sai 6G7472	Ý	Cái	1	84.000.000	84.000.000	06 tháng
213	Lá thép bộ côn số 3+4 3S-0044/FM2770MP	Vương Quốc Anh	Cái	4	5.700.000	22.800.000	03 tháng
214	Quang nhíp sau 6520-2912408	Trung Quốc	Cái	40	480.000	19.200.000	02 tháng
215	Quang nhíp sau M27x90x440 55225-75802	Việt Nam	Cái	6	600.000	3.600.000	02 tháng
216	Quang nhíp trước Kamaz 6520 65115-2902408	Việt Nam	Cái	6	250.000	1.500.000	02 tháng
217	Quang nhíp trước HUYNDAI HD260 54225-67011	Việt Nam	Cái	2	250.000	500.000	02 tháng
218	Quang nhíp trước Dongfeng M18x200x90	G20	Cái	2	250.000	500.000	02 tháng
219	Nhíp giảm sóc cabin 5320-5001080/14A-78926	G20	Bộ	6	700.000	4.200.000	01 tháng
220	È cu tắc kê 569-22-72870/07P-7748	G20	Cái	10	250.000	2.500.000	01 tháng
221	Nhíp sau 90x20x1500	Việt Nam	Lá	6	1.900.000	11.400.000	02 tháng
222	Nhíp sau 90x20x1200	Việt Nam	Lá	5	1.550.000	7.750.000	02 tháng
223	Nhíp sau 90x20x1100	Việt Nam	Lá	5	1.350.000	6.750.000	02 tháng
224	Nhíp sau 90x20x1000	Việt Nam	Lá	5	1.300.000	6.500.000	02 tháng
225	Nhíp sau 90x20x900	Việt Nam	Lá	5	1.200.000	6.000.000	02 tháng
226	Nhíp sau 90x20x800	Việt Nam	Lá	5	1.100.000	5.500.000	02 tháng
227	Nhíp sau 90x20x700	Việt Nam	Lá	5	850.000	4.250.000	02 tháng
228	Nhíp sau 90x20x600	Việt Nam	Lá	5	780.000	3.900.000	02 tháng
229	Nhíp sau 90x20x500	Việt Nam	Lá	5	650.000	3.250.000	02 tháng
230	Nhíp sau 90x20x400	Việt Nam	Lá	5	600.000	3.000.000	02 tháng
231	Bộ nhíp trước Dongfeng (9 lá)	Việt Nam	Bộ	2	12.000.000	24.000.000	02 tháng
232	Bu lông tắc kê 569-22-72850/03P-6640	G20	Cái	10	950.000	9.500.000	02 tháng
233	Bu lông tắc kê 569-22-72860/03P-7600	G20	Cái	10	750.000	7.500.000	02 tháng
234	Bu lông tắc kê 6520-3104071	G20	Bộ	100	65.000	6.500.000	01 tháng
235	Gioăng van ngăn kéo 208-5498	G20	Cái	5	520.000	2.600.000	Theo TCNSX

STT	Danh mục hàng hóa	Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Bảo hành
236	Gioăng cao su van thủy lực 7D-9749	G20	Cái	5	18.000	90.000	Theo TCNSX
237	Bi chao giăng cầu, giảm xóc sau GEF70ES 2RS	G20	Cái	30	1.780.000	53.400.000	06 tháng
238	Bi chao giăng lái GEK40XS 2RS	G20	Cái	8	980.000	7.840.000	06 tháng
239	Bi chao giảm sóc trước GE60ES-2RS	G20	Cái	6	1.500.000	9.000.000	06 tháng
240	Cao su chân máy hộp số 569-14-41130	Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	2	5.366.000	10.732.000	06 tháng
241	Phốt đầu trục biển mô 711-28-49710	G20	Cái	1	976.000	976.000	06 tháng
242	Đĩa phanh trước 105-3207	Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	1	7.420.000	7.420.000	06 tháng
243	Gioăng phốt piston xi lanh lái 294-9583/2949583/26F-9225	G20	Bộ	3	3.211.000	9.633.000	03 Tháng
244	Gioăng mặt xoa moay ơ trước 4M-0660/4M0660	G20	Cái	4	634.000	2.536.000	03 Tháng
245	Phom xả hơi 165-5648/RL3511XE01	Trung Quốc	Cái	1	13.171.000	13.171.000	06 tháng
246	Ổng lót vòi phun nhiên liệu 108-0219/M-1080219	G20	Cái	8	4.878.000	39.024.000	06 tháng
247	Bơm ép nhớt nhiên liệu 235-2026	G20	Cái	1	78.000.000	78.000.000	06 tháng
248	Bu lông tắc kê ngoài 4D8695	G20	Cái	10	1.640.000	16.400.000	06 tháng
249	È cu tắc kê trong ngoài 5D-0765/5D0765	G20	Cái	10	460.000	4.600.000	06 tháng
250	Van điều áp máy nén khí 4N-9680	G20	Cái	5	2.250.000	11.250.000	06 tháng
251	Phốt bu ly tăng dây cu doa 5M9735	G20	Cái	5	250.000	1.250.000	06 tháng
252	Cảm biến áp suất phanh trước 1850600	Tây Ban Nha	Cái	1	19.100.000	19.100.000	06 tháng
253	Kết làm mát dầu số 1041817	G20	Cái	1	103.695.000	103.695.000	06 tháng
254	Bơm tay phin lọc dầu 137-5541	G20	Cái	1	4.200.000	4.200.000	06 tháng
255	Cảm biến áp suất bơm 194-6722	G20	Cái	2	4.878.000	9.756.000	06 tháng
256	Phốt quả dứa 105-1331/1051331	G20	Cái	2	6.900.000	13.800.000	06 tháng
257	Gioăng lắp hộp số 4D-0449/4D0449	G20	Cái	2	295.000	590.000	03 Tháng
258	Ca bi ngoài vòng bi gối đỡ vi sai bé 4F2041	Ấn Độ	Cái	2	5.500.000	11.000.000	06 tháng
259	Gioăng cụm giảm tốc 4H-6730/4H6730	G20	Cái	3	335.000	1.005.000	03 Tháng
260	Gioăng nắp may ơ giảm tốc 4S-5924	G20	Cái	3	310.000	930.000	03 Tháng
261	Phốt đuôi hộp số 142-8075/1428075	G20	Cái	2	998.000	1.996.000	06 tháng
262	Pit tông phanh trước 114-9306	G20	Cái	3	1.616.000	4.848.000	06 tháng
263	Gioăng phốt cụm van phanh 1345986	Tây Ban Nha	Bộ	2	9.701.000	19.402.000	03 Tháng
264	Tay mở van phanh trước 1424001	G20	Cái	2	1.916.000	3.832.000	06 tháng
265	Măng xéc lái 4J-9224/4J9224	G20	Cái	2	88.000	176.000	06 tháng
266	Xéc măng piston lái 4T-8054/4T8054	G20	Cái	2	1.190.000	2.380.000	06 tháng
267	Phốt xi lanh ben 4T-8695/4T8695	G20	Cái	4	382.000	1.528.000	06 tháng
268	Bơm lái 219-1964/2191964	G20	Cụm	1	125.000.000	125.000.000	06 tháng
269	Mô tơ quạt dàn lạnh 174-1489	G20	Cái	2	9.950.000	19.900.000	06 tháng

STT	Danh mục hàng hóa	Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Bảo hành
270	Giảm sóc ghế lái 370-8065	G20	Cái	2	11.700.000	23.400.000	06 tháng
271	Gioăng giảm sóc trước 07000-15145/K07000-15145	Singapore	Cái	4	176.800	707.200	03 Tháng
272	Két nước 65115-1301010	G20	Cái	1	22.000.000	22.000.000	06 tháng
273	Cần vệ tinh vi sai cầu 5320-2403058	G20	Cái	8	250.000	2.000.000	03 tháng
274	Bánh răng cầu Z31 6520-2502110	G20	Cái	2	7.900.000	15.800.000	06 tháng
275	Cần hành tinh vi sai cầu 5320-2403051	G20	Cái	8	450.000	3.600.000	03 tháng
276	Bánh răng hành tinh vi sai cầu 53205-2403050	G20	Cái	4	2.900.000	11.600.000	06 tháng
277	Trục chữ thập vi sai cầu 5320-2403060	G20	Cái	3	1.900.000	5.700.000	06 tháng
278	Bánh răng trục quả dứa cầu giữa 6520-2502120	G20	Cái	3	6.500.000	19.500.000	06 tháng
279	Trục chữ thập vi sai cầu 6520-2506060	G20	Cái	3	1.900.000	5.700.000	06 tháng
280	Bánh răng vệ tinh vi sai cầu 6520-2506054	G20	Cái	6	690.000	4.140.000	06 tháng
281	Vành răng + bánh đà động cơ 740.50-1005115-10/14A-36881	Trung Quốc	Bộ	2	18.500.000	37.000.000	06 tháng
282	Trục ốc guốc phanh 6520-3501153	Việt Nam	Cái	6	150.000	900.000	03 Tháng
283	Bạc ốc guốc phanh 2233-3501118	Việt Nam	Cái	6	100.000	600.000	03 Tháng
284	Ắc đong mở gầu Ø80x250	Việt Nam	Cái	6	1.600.000	9.600.000	02 tháng
285	Ắc đong mở gầu Ø85x270	Việt Nam	Cái	6	1.800.000	10.800.000	02 tháng
286	Bạc đong mở gầu 100x85x95	Việt Nam	Cái	8	800.000	6.400.000	02 tháng
287	Bạc đong mở gầu 80x90x95	Việt Nam	Cái	8	800.000	6.400.000	02 tháng
288	Trục bánh răng giảm tốc HD465 (569-22-72511)	Việt Nam	Cái	6	1.500.000	9.000.000	02 tháng
289	Bình dầu nhiên liệu Kamaz 6520 (loại 350L) (1200x650x530)	Việt Nam	Cái	1	15.000.000	15.000.000	06 tháng
290	Bi chữ thập các đăng Ø30x88	G20	Cụm	5	300.000	1.500.000	03 Tháng
291	Mặt xích cát đăng cầu sau 6520-2502036/ 31120010070	G20	Cái	4	4.200.000	16.800.000	06 tháng
292	Kích ca bin 45104-5004250/50033162070	G20	Cái	4	2.872.000	11.488.000	06 tháng
293	Xi lanh nâng ca bin 453198237	Trung Quốc	Cái	4	4.953.000	19.812.000	06 tháng
294	Bầu lọc phon xả 4324101040/35110033140	G20	Cái	2	3.800.000	7.600.000	06 tháng
295	Tổng côn dưới 9700511760/RL1608PA05	G20	Cái	3	2.972.000	8.916.000	06 tháng
296	Bầu phanh lốc kê 20 100.3519100-10/35306602850	Trung Quốc	Cái	3	2.415.000	7.245.000	06 tháng
297	Bầu phanh lốc kê 30 253519301/35300106460	Trung Quốc	Cái	3	2.674.000	8.022.000	06 tháng
298	Vi lét tăng phanh sau 5320-3502237/64935011016	Trung Quốc	Cái	6	1.800.000	10.800.000	06 tháng
299	Vi lét tăng phanh sau 5320-3502136/64835011016	Trung Quốc	Cái	6	1.800.000	10.800.000	06 tháng
300	Tăng áp LH 12749880003/11184200050	G20	Cái	2	12.000.000	24.000.000	06 tháng
301	Tăng áp RH 740.60-1118012/11180370010	G20	Cái	2	12.000.000	24.000.000	06 tháng
302	Chổi gạt mưa 569-54-83240	G20	Cái	10	750.000	7.500.000	01 tháng
303	Bạc cầu cân bằng 6520-2918074-01	G20	Cái	20	600.000	12.000.000	02 tháng

STT	Danh mục hàng hóa	Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Bảo hành
304	Bi chao 707- 46-14010	Nhật	Cái	4	25.000.000	100.000.000	03 Tháng
305	Vòng bi rulip 569-13-52160	Nhật	Vòng	3	60.120.000	180.360.000	03 Tháng
306	Phốt chặn bụi 569-50-81511	Nhật	Cái	5	8.250.000	41.250.000	03 Tháng
307	Van nạp 566-50-11320	Nhật	Cái	4	1.485.000	5.940.000	03 Tháng
308	Đệm 566-50-11350	Nhật	Cái	15	33.000	495.000	03 Tháng
309	Kim van giảm sóc 281-50-11721	Nhật	Cái	10	236.500	2.365.000	03 Tháng
310	Trục 561-01-71140	Nhật	Cái	6	5.280.000	31.680.000	03 Tháng
311	Mặt xích 569-01-62720	Nhật	Cái	5	6.820.000	34.100.000	03 Tháng
312	Gioăng 07000-55260	Nhật	Cái	10	550.000	5.500.000	03 Tháng
313	Phốt chấn mờ 569-27-79910	Nhật	Cái	10	5.500.000	55.000.000	03 Tháng
314	Bộ kit phốt lồng moay σ 569-27-05010	Nhật	Bộ	5	7.480.000	37.400.000	03 Tháng
315	Cảm biến khí thải 6215-11-8281	Nhật	Cái	3	3.300.000	9.900.000	03 Tháng
316	Công tắc áp suất lái khẩn cấp 08088-50000	Nhật	Cái	2	3.300.000	6.600.000	03 Tháng
317	Còi lùi 08164-B0000	Nhật	Cái	6	2.767.642	16.605.852	03 Tháng
318	Vòng bi moay σ trước ngoài 569-27- 61912/32032-X-XL/32032-X	Đức	Vòng	15	7.900.000	118.500.000	03 Tháng
319	Vòng bi moay σ trước trong 569-27- 71960/32036-X-XL/32036-X	Đức	Vòng	15	10.500.000	157.500.000	03 Tháng
320	Vòng bi moay σ sau ngoài 06000-32052/32052-X-XL/32052-X	Đức	Vòng	12	35.000.000	420.000.000	03 Tháng
321	Vòng bi moay σ sau trong 06000-32056/32056-X-XL/32056-X	Đức	Vòng	12	43.000.000	516.000.000	03 Tháng
322	Vòng bi đỡ trục quả dứa to CAT773 6B- 4852/AK898	Đức	Vòng	5	9.800.000	49.000.000	03 Tháng
323	Ca bi đỡ trục quả dứa to CAT773 5M-6592/AK892	Đức	Cái	5	1.950.000	9.750.000	03 Tháng
324	Vòng bi đỡ trục quả dứa nhỏ CAT773 3D- 1101/K77375	Đức	Vòng	5	4.800.000	24.000.000	03 Tháng
325	Ca bi đỡ trục quả dứa nhỏ CAT773 3D- 1100/K77675	Đức	Cái	5	1.690.000	8.450.000	03 Tháng
326	Vòng bi moay σ trước 1B-6577/K99600	Đức	Vòng	2	16.000.000	32.000.000	03 Tháng
327	Ca bi moay σ trước 2J-2152/K99100	Đức	Cái	2	12.950.000	25.900.000	03 Tháng
328	Vòng bi moay σ trước 7S-1874/K74525	Đức	Vòng	2	7.050.000	14.100.000	03 Tháng
329	Ca bi moay σ trước 1M-6573/K74850	Đức	Cái	2	2.200.000	4.400.000	03 Tháng
330	Gioăng tròn moay σ trước 2M-0340	Đức	Cái	5	250.000	1.250.000	03 Tháng
331	Gioăng tròn moay σ trước 8F-8733	Đức	Cái	5	220.000	1.100.000	03 Tháng
332	Bi chao piston ben đầu trên CAT773 237-4156	Đức	Vòng	6	2.150.000	12.900.000	03 Tháng
333	Bi chao giăng pông CAT773 6J-1144	Đức	Vòng	5	4.700.000	23.500.000	03 Tháng
334	Vòng bi moay σ sau ngoài 4D-4324/M348449	Đức	Vòng	5	13.500.000	67.500.000	03 Tháng
335	Ca vòng bi moay σ sau ngoài 4D-4325/M348410	Đức	Cái	5	6.000.000	30.000.000	03 Tháng
336	Vòng bi moay σ sau trong 5P-0505/M252337	Đức	Vòng	5	21.300.000	106.500.000	03 Tháng
337	Ca vòng bi moay σ sau trong 9D-0994/M252310	Đức	Cái	5	8.800.000	44.000.000	03 Tháng
338	Máy phát điện 90A 600-861-9122	Trung Quốc	Cái	3	22.450.000	67.350.000	03 Tháng

STT	Danh mục hàng hóa	Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Bảo hành
339	Cao su giảm chấn ca bin 569-54-82371/569-54- 82372	Nhật Bản	Cụm	4	21.500.000	86.000.000	03 Tháng
340	Đệm thép 225-3101	Anh	Cái	5	1.500.000	7.500.000	03 Tháng
341	Lõi tăng áp 202-4081	Italia	Cái	1	53.972.000	53.972.000	03 Tháng
342	Sên xả tăng áp 148-9104	Mỹ	Cái	1	21.500.000	21.500.000	03 Tháng
343	Bánh răng hành tinh 7G-3462	Tây Ban Nha	Cái	6	5.500.000	33.000.000	03 Tháng
344	Lá thép 1T-1315/FM3462MP	Anh	Cái	5	2.500.000	12.500.000	03 Tháng
345	Đề khởi động 338-3454	Tây Ban Nha	Cái	2	33.472.000	66.944.000	03 Tháng
346	Quai nhê cổ xả 189-3620	Mỹ	Cái	10	680.000	6.800.000	03 Tháng
347	Vành khăn 24.00R35 - KOM 569-30-73531	Trung Quốc	Cái	2	44.000.000	88.000.000	03 Tháng
348	Vành nôm la răng 24.00R35 - KOM 569-30-73520	Trung Quốc	Cái	2	40.000.000	80.000.000	03 Tháng
349	Vành khóa la răng 24.00R35 - KOM 569-30-73540	Trung Quốc	Cái	5	6.800.000	34.000.000	03 Tháng
350	Vành khăn 24.00R35 - CAT 3D-2945	Trung Quốc	Cái	2	17.000.000	34.000.000	03 Tháng
351	Vành nôm la răng 24.00R35 - CAT 8X-3273	Trung Quốc	Cái	2	28.000.000	56.000.000	03 Tháng
352	Vành khóa la răng 24.00R35 - CAT 6G-1731	Trung Quốc	Cái	3	5.000.000	15.000.000	03 Tháng
353	Ắc bánh răng hành tinh 8X-5699	Việt Nam	Cái	6	6.500.000	39.000.000	02 Tháng
354	Ắc bánh răng hành tinh 75-8631	Việt Nam	Cái	6	2.100.000	12.600.000	02 Tháng
<b>Tổng cộng trước thuế GTGT:</b>						<b>8.289.065.552</b>	
<b>Thuế GTGT 8%:</b>						<b>663.125.244</b>	
<b>Tổng cộng sau thuế:</b>						<b>8.952.190.796</b>	

**Bằng chữ: Tám tỷ, chín trăm năm mươi hai triệu, một trăm chín mươi nghìn, bảy trăm chín mươi sáu đồng./**

